

Số: 299 /QĐ-SCT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu ngân sách nhà nước –
chi ngân sách địa phương năm 2019 của Sở Công Thương**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BCT ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND tỉnh ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính – Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ngân sách năm 2019 cho cơ quan Sở Công Thương và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Công Thương (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính – Tổng hợp, trưởng các phòng thuộc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC

Đương Minh Dũng

PHỤ LỤC

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2019 NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 299/QĐ-SCT ngày 26 tháng 12 năm 2018)

Dvt: đồng

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2019	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2019
	DỰ TOÁN THU NS			
	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
	1. Số thu phí, lệ phí	246.000.000	-	-
	- Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000		
	- Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	106.000.000		
	- Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động hóa chất nguy hiểm	15.000.000		
	- Phí kiểm tra, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	100.000.000		
	2. Chi từ nguồn thu phí được để lại	148.000.000	-	-
	- Chi quản lý hành chính	148.000.000		
	3. Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	98.000.000		
	- Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	10.000.000		
	- Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	53.000.000		
	- Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động hóa chất nguy hiểm	25.000.000		
	- Phí kiểm tra, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	10.000.000		
	DỰ TOÁN CHI NS (Tổng cộng toàn ngành)	45.506.000.000	2.022.000.000	43.484.000.000
A	VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG	20.887.000.000	606.000.000	20.281.000.000
I	Chi QLNN	14.826.000.000	456.000.000	14.370.000.000
1	Kinh phí hoạt động thường xuyên (C416-L340 - tự chủ)	9.405.000.000	352.000.000	9.053.000.000
	- Chi con người	5.885.000.000	0	5.885.000.000
	- Chi hoạt động (64 biên chế x 55 triệu/biên chế)	3.520.000.000	352.000.000	3.168.000.000
2	Kinh phí không thường xuyên (C416 - L340 - không tự chủ)	5.421.000.000	104.000.000	5.317.000.000
2.1	Kinh phí tuyên truyền, giới thiệu về ngành công thương và tỉnh Đồng Nai trên báo đài; kinh phí khảo sát sự hài lòng của thương nhân; kinh phí in sổ tay về chính sách công nghiệp, thương mại; kinh phí xây dựng trang thông tin khuyến mại trên địa bàn tỉnh	1.164.000.000	0	1.164.000.000
2.2	Duy trì cập nhật, thuê server cập nhật Dự án xây dựng phần mềm CSDL ngành công thương	100.000.000	0	100.000.000
2.3	Kinh phí hỗ trợ xử phạt vi phạm hành chính về điện lực	600.000.000	0	600.000.000
2.4	Kinh phí triển khai Chương trình chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng 2030	630.000.000	63.000.000	567.000.000
2.5	Hoạt động phát triển cụm công nghiệp (xây dựng cảm nang tuyên truyền, hội nghị triển khai các quy định, chính sách đầu tư, khảo sát mô hình quản lý phát triển CCN liên kết phát triển công nghiệp hỗ trợ, điều tra khảo sát năng lực sản xuất của các DN	244.000.000	0	244.000.000
2.6	Kinh phí tuyên truyền về an toàn thực phẩm của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	50.000.000	0	50.000.000
2.7	Kinh phí triển khai Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng VN" theo Kế hoạch số 8983/KH-UBND; Kinh phí triển khai Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tỉnh	260.000.000	26.000.000	234.000.000
2.8	Kinh phí học tập kinh nghiệm và xây dựng mô hình thí điểm "Doanh nghiệp-HTX-Nông dân" tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh	150.000.000	15.000.000	135.000.000

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2019	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2019
2.9	Kinh phí vận chuyển bán hàng lưu động vùng sâu, vùng xa phục vụ Tết	600.000.000	0	600.000.000
2.10	Chương trình phát triển thương mại điện tử	400.000.000	0	400.000.000
2.11	Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra hoạt động các tụ điểm kinh doanh tự phát tỉnh; Đoàn kiểm tra, giám sát, sắp xếp các điểm kinh doanh tại chợ	96.000.000	0	96.000.000
2.12	Hội nghị tập huấn các văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực công thương	235.000.000	0	235.000.000
2.13	Kinh phí Tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế; Hội nghị trực tuyến triển khai các Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam; Đoàn công tác khảo sát học tập, nâng cao năng lực về tiêu thụ nông sản vào chợ đầu mối; Hội nghị giao lưu, gặp mặt nữ tiểu thương tỉnh Đồng Nai	685.000.000	0	685.000.000
2.14	Trang phục thanh tra	87.000.000	0	87.000.000
2.15	Tổ chức lớp tập huấn kiểm tra viên điện lực (kiểm tra và xử lý vi phạm trong vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực)	120.000.000	0	120.000.000
II	Chi sự nghiệp kinh tế (C416-L280)	2.385.000.000	150.000.000	2.235.000.000
1	Kinh phí bản tin thương mại và Công nghiệp	795.000.000	0	795.000.000
2	Chi phí quản lý, giám sát Chương trình đề án khuyến công	90.000.000	0	90.000.000
3	Kinh phí cải tạo, sửa chữa Trung tâm Khuyến công & Tư vấn phát triển công nghiệp	1.500.000.000	150.000.000	1.350.000.000
III	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (C416 - L250)	3.676.000.000	-	3.676.000.000
	Kinh phí thực hiện Đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công thương (Kế hoạch Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; Đề án tập huấn, ứng phó sự cố hóa chất; Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất; Kế hoạch triển khai vận hành và bảo trì cơ sở	3.676.000.000	0	3.676.000.000
B	TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	9.063.000.000	790.000.000	8.273.000.000
	Chi sự nghiệp kinh tế (C416-L280)	9.063.000.000	790.000.000	8.273.000.000
I	Kinh phí thường xuyên (C416 - L280 - tự chủ)	1.763.000.000	60.000.000	1.703.000.000
	- Chi con người	1.168.000.000	0	1.168.000.000
	- Chi hoạt động (17 biên chế x 35 triệu/biên chế)	595.000.000	60.000.000	535.000.000
II	Kinh phí không thường xuyên (C416 - L280- không tự chủ)	7.300.000.000	730.000.000	6.570.000.000
	Kinh phí Chương trình Xúc tiến thương mại năm 2019	7.300.000.000	730.000.000	6.570.000.000
D	TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ TƯ VẤN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	15.556.000.000	626.000.000	14.930.000.000
	Chi sự nghiệp kinh tế (C416-L280)	15.556.000.000	626.000.000	14.930.000.000
I	Kinh phí thường xuyên (C416 - L280 - tự chủ)	1.784.000.000	56.000.000	1.728.000.000
	- Chi con người	1.224.000.000	0	1.224.000.000
	- Chi hoạt động (16 biên chế x 35 triệu/biên chế)	560.000.000	56.000.000	504.000.000
II	Kinh phí hoạt động không thường xuyên (C416 - L280 - không tự chủ)	13.772.000.000	570.000.000	13.202.000.000
1	Kinh phí Chương trình khuyến công năm 2019	5.772.000.000	570.000.000	5.202.000.000
2	Kinh phí hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp năm 2019	8.000.000.000	0	8.000.000.000


GIÁM ĐỐC
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH ĐỒNG NAI
 Dương Minh Dũng